

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/12/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Hồng Giang - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thanh

2. Ông Chu Quốc Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên
- Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã TD, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã YM, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 05/10/2021 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc Tr trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, chị kết hôn với anh Lê Văn T. Trước khi kết hôn, chị và anh T được tự do tìm hiểu, thỏa thuận tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã YM, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 14/01/2015. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Cưới xong, chị về gia đình anh T chung sống cùng gia đình chồng. Thời gian đầu, vợ chồng chị sống hòa thuận, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình và đã sinh được 02 con chung.

Sau một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ tháng 4/2021. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và hai con về nhà mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 5/2021 cho đến nay. Vợ chồng chị sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T sinh được 02 người con chung: Lê Ngọc D, sinh ngày 14/01/2016 và Lê Đăng Q, sinh ngày 21/11/2017. Các con chung đều phát triển khỏe mạnh bình thường và đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Hiện nay, chị đang làm việc tại Công ty CPTM bia Sài Gòn Đông Bắc, thu nhập trung bình của chị là 10.000.000 đồng/tháng.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2021, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị Tr về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 4 năm 2021. Nguyên nhân là do chị Tr thay đổi công việc, sống không giữ gìn vì hạnh phúc gia đình. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, mong muốn chị Tr thay đổi để vợ chồng chung sống. Anh không đồng ý ly hôn với chị Tr.

2. Về con chung: Anh xác nhận lời khai của chị Tr về số con chung và tình trạng của các con chung của vợ chồng là đúng. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 con chung. Anh không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh thống nhất như lời khai của chị Tr và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay, anh đang kinh doanh cửa hàng ăn, uống, thu nhập trung bình hàng tháng của anh khoảng trên 20.000.000 đồng/tháng.

Theo lời khai của mẹ anh T (bà Trần Thị T) và lời khai của bố chị Tr (ông Đặng Bắc G) đều xác nhận: Năm 2015, anh T và chị T kết hôn, chung sống với nhau đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T và anh T bất đồng quan điểm sống, bất đồng về việc lựa chọn việc làm cũng như làm ăn phát triển kinh tế. Chị Tr về nhà bố mẹ đẻ ở từ 5/2021 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay, đại diện gia đình hai bên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chính quyền địa phương UBND xã YM (nơi anh T và chị Tr sinh sống trong thời kỳ hôn nhân) xác nhận: Năm 2015, anh T và chị Tr kết hôn, chung sống với nhau đến

tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và chị Tr về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng các bên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr và anh T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày khai ở trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc Tr và bị đơn anh Lê Văn T chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án;

+ Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Ngọc Tr, tuyên xử cho chị Tr được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Tr trực tiếp và chăm sóc con lớn Lê Ngọc D, sinh ngày 14/01/2016. Giao cho anh T trực tiếp và chăm sóc con thứ 2 là Lê Đăng Q, sinh ngày 21/11/2017; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ngoài ra, còn đề nghị buộc chị Tr phải chịu án phí ly hôn và tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có mặt, nên vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã YM, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn cũng như các lời khai xác minh cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án

đã xác định: Chị Đặng Thị Ngọc Tr và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở có sự tìm hiểu thỏa thuận, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã YM, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào năm 2015, do đó quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh T là hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cũng như lời khai của đại diện gia đình hai bên và địa phương cho thấy: Sau khi kết hôn, chị Tr về nhà anh T chung chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2021 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không cảm thông cho nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, đã có lần xô xát đánh nhau. Tháng 5 năm 2021, chị Tr về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ, không quan tâm gì đến nhau từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian sống chung, chị Tr, anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân kéo dài từ tháng 5 năm 2021 đến nay (tháng 12.2021). Việc này đã trái với các quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Tr, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Ngọc Tr đối với anh Lê Văn T.

[5] Về con chung: Chị Tr và anh T có 02 con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/01/2016 và Lê Đăng Q, sinh ngày 21/11/2017. Hiện nay, các con đang sống cùng với chị Trâm. Các con của anh T và chị Tr phát triển khỏe mạnh, bình thường. Khi vợ chồng ly hôn cả chị Tr và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con và đều không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của chị Tr và anh T thì thấy chị Tr và anh T đều là người lao động chân chính, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị Tr và anh T và giao cho mỗi người nuôi 01 con chung. Tuy nhiên, chị Tr là phụ nữ nên giao cho chị Tr nuôi con gái là Lê Ngọc D sẽ đảm bảo việc chăm sóc và ổn định sự phát triển giới tính cũng như tâm sinh lý của con. Còn con Lê Đăng Q là con trai nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này, các bên có tranh chấp thì có thể được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Ngọc Tr được ly hôn anh Lê Văn T.

2- Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Ngọc Tr trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 14/01/2016; Giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Lê Đăng Q, sinh ngày 21/11/2017. Tiền cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Đặng Thị Ngọc Tr và anh Lê Văn T được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị Tr và anh T thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của đương sự và quy định của pháp luật.

3- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- Án phí: Chị Đặng Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012402 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Yên Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Thân Hồng Giang